

Số: **3008** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **31** tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /g

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTHCC, TH (D);
- Lưu: VT, KSTT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đông**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3003** /QĐ-UBND ngày **24** tháng 12 năm 2019

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>					
<b>LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN</b>					
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân.	06 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc nộp trực tuyến	Không	- Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23/11/2015; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân	06 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.	Không	- Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23/11/2015; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	03 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC	Không	- Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23/11/2015; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018

II LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC					
1	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	07 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô nhỏ: 500.000đ</li> <li>- Quy mô vừa: 1.000.000đ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước số 21/6/2012;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;</li> <li>- Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.</li> </ul>
2	Cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	04 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô nhỏ: 150.000đ</li> <li>- Quy mô vừa: 300.000đ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;</li> <li>- Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.</li> </ul>
3	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	03 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;</li> <li>- Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.</li> </ul>

4	Cấp phép thăm dò nước dưới đất	14 ngày	<p>Thực tiếp: qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam</p> <p>-Giếng thăm dò dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 200.000  -Giếng thăm dò từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 700.000 đ  -Giếng thăm dò từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1000m<sup>3</sup>/ngày đêm là: 1.300.000 đồng.  -Giếng thăm dò từ 1000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm : 2.500.000 đ</p>	<p>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012  -Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;  -Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;  -Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;  -Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT  -Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ TNMT;  đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;  -Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.  -- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.</p>
5	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất	12 ngày	<p>Thực tiếp: qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.</p> <p>-Giếng thăm dò từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 210.000  -Giếng thăm dò từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1000m<sup>3</sup>/ngày đêm : 390.000  -G giếng thăm dò từ 1000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm : 750.000</p>	<p>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012  -Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;  -Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;  -Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;  -Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT  -Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ TNMT;  -Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.  -Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.</p>

6	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	14 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giếng có nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 200.000;</li> <li>- Giếng từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 700.000</li> <li>-Giếng từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1000m<sup>3</sup>/ngày đêm : 1.300.000</li> <li>-Giếng từ 1000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm :2.500.000</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;</li> <li>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017;</li> <li>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT</li> <li>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ TNMT;</li> <li>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.</li> </ul>
7	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	12 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Gếng có lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 100.000</li> <li>-Giếng 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 350.000</li> <li>-Giếng từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 650.000</li> <li>-Giếng từ 1000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.250.000</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;</li> <li>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017;</li> <li>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT</li> <li>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ TNMT;</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 300.000;</li> <li>- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 đến dưới 0,5m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 900.000;</li> <li>- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m<sup>3</sup>/giây đến dưới 1m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.500.000</li> <li>- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1000kw đến dưới 2000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.500.000</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</li> </ul>
8	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	14 ngày	<p>Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;</li> <li>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017;</li> <li>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT</li> <li>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ TNMT;</li> <li>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</li> </ul>	
9	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	12 ngày	<p>Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 150.000</li> <li>- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 đến dưới 0,5m<sup>3</sup>/giây;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;</li> </ul>

				<p>hoặc để phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm:</p> <p>450.000</p> <p>- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m<sup>3</sup>/giây đến dưới 1m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm:</p> <p>1.250.000;</p> <p>- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1000kw đến dưới 2000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm:</p> <p>2.250.000</p>	<p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ TNMT;</p> <p>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</p>
10	Cấp phép xả nước thải vào nguồn nước	14 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam	<p>- Có lưu lượng nước xả thải dưới 100m<sup>3</sup> /ngày đêm: 300.000;</p> <p>- Có lưu lượng nước xả thải từ 100m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup> /ngày đêm: 900.000;</p> <p>- Có lưu lượng nước xả thải từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 2.000m<sup>3</sup> /ngày đêm: 2.200.000;</p> <p>- Có lưu lượng nước xả thải từ 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 5.000m<sup>3</sup> /ngày đêm: 4.500.000</p>	<p>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ TNMT;</p>



					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</li> </ul>
11	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	12 ngày	<p>Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có lưu lượng nước xả thải dưới 100m<sup>3</sup>/ngày đêm: 150.000;</li> <li>- Có lưu lượng nước xả thải từ 100m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm : 450.000;</li> <li>- Có lưu lượng nước xả thải từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.100.000;</li> <li>- Có lưu lượng nước xả thải từ 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.250.000.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018;</li> <li>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT</li> <li>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</li> </ul>
12	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	07 ngày	<p>Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.</p>	<p>Bảng 30% mức thu cấp giấy phép lần đầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT</li> <li>- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh.</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</li> </ul>

III LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN					
1	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	43 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích nhỏ hơn 100 ha, mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>+ Diện tích từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>+ Diện tích trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ TC;</li> <li>- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ TNMT và Bộ TC.</li> </ul>
2	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	19 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2.000.000 đồng đối với diện tích nhỏ hơn 100ha/1giấy phép</li> <li>- 5.000.000 đồng đối với diện tích từ 100ha đến 50.000 ha/01giấy phép</li> <li>- 7.500.000 đồng đối với diện tích trên 50.000ha/1giấy phép</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ TC;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT.</li> </ul>
3	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	19 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2.000.000 đồng đối với diện tích nhỏ hơn 100ha/1giấy phép</li> <li>- 5.000.000 đồng đối với diện tích từ 100 ha đến 50.000 ha/01giấy phép</li> <li>- 7.500.000 đồng đối với diện tích trên 50.000ha/1giấy phép</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ TC;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>

4	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	19 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>
5	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	64 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	<p>- Tổng chi phí thăm dò dự án đến 1 tỷ đồng đồng: mức thu 10 triệu đồng; Dự án trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng mức thu 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 01 tỷ); dự án trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng mức phí thăm dò định 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng); dự án trên 20 tỷ đồng mức thu phí thăm dò định 85.000.000 đồng +(0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ TC;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>
6	Cấp phép khai thác khoáng sản	36 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	<p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: công suất khai thác dưới 5.000 m<sup>3</sup>/năm: 1.000.000 đồng; công suất khai thác từ 5.000 m<sup>3</sup> đến 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 10.000.000 đồng; công suất khai thác trên 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 15.000.000 đồng;</p> <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm: 15.000.000 đồng; có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ TC;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>

7	Giá hạn giấy phép khai thác khoáng sản	19 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại	<p>từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục</p> <p>1: 20.000.000 đồng; khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1: 30.000.000 đồng;</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 40.000.000 đồng;</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã qui định tại mục 1, 2, 3, 6, 7 : Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000 đồng; Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000 đồng;</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã qui định tại mục 2, 3, 6 : 60.000.000 đồng;</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quí hiếm: 80.000.000 đồng;</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 100.000.000 đồng.</p> <p>Bảng 50% mức lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản</p>	<p>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày</p>
---	--	---------	---	---	--

			Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 158/2016 của Bộ TC;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>
8	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	19 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	Không		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>
9	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	19 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.	Bảng 50% mức lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ TC;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>
10	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	11 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.	5.000.000 đồng/giấy phép		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> <li>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ TNMT</li> </ul>
11	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	08 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.	2.500.000 đồng/giấy phép		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ TC;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>

12	Trà lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	08 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến.	không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>
13	Đóng cửa mỏ khoáng sản	34 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>
14	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	65 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ một tỷ đồng trở xuống : 2.000.000đồng/hồ sơ ;</li> <li>- Từ trên một tỷ đồng đến 5 tỷ đồng: 4.000.000đồng/hồ sơ</li> <li>- Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng: 6.000.000đồng/hồ sơ</li> <li>- Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng : 8.000.000đồng/hồ sơ ;</li> <li>- Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng : 10.000.000đồng/hồ sơ</li> <li>- Từ trên 100 tỷ : 12.000.000đồng/hồ sơ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 ;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ TNMT, Bộ TC ;</li> </ul>
15	Cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	22 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: công suất khai thác dưới 5.000 m<sup>3</sup>/năm: 1.000.000 đồng; công suất khai thác từ 5.000 m<sup>3</sup> đến 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 10.000.000 đồng; công suất khai thác trên 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 15.000.000 đồng;</li> <li>2. Giấy phép khai thác khoáng sản</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ TC;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>

			<p>làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm; 15.000.000đồng; có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục</p> <p>1:20.000.000đồng; khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1:30.000.000 đồng;</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ô p lát và nước khoáng: 40.000.000đồng;</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã qui định tại mục 1,2,3,6,7 : Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000 đồng; Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000 đồng;</p>
--	--	--	--

				<p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hàm lò trừ các loại khoáng sản đã qui định tại mục 2,3,6 : 60.000.000đồng;</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quí hiếm: 80.000.000 đồng;</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 100.000.000 đồng.</p>	
16	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	15 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	không	<p>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</p>
17	Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình	18 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	Không	<p>- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ TNMT</p>
<b>IV LĨNH VỰC ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ</b>					
1	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	05 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến.	Số hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ để nghị cấp phép: - Dưới 03: 4.090.000; - Từ 03 đến 05: 5.540.000; - Từ 06 đến 08: 6.030.000; - Từ 09 đến 11: 6.510.000; - Từ 12 đến 14: 7.000.000	<p>- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018;</p> <p>- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019;</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam;</p> <p>- Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 của Bộ Tài chính.</p>



2	Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	04 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến.	Số hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ đề nghị cấp phép: - Dưới 03: 4.090.000; - Từ 03 đến 05: 5.540.000; - Từ 06 đến 08: 6.030.000; - Từ 09 đến 11: 6.510.000; - Từ 12 đến 14: 7.000.000	- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019; - Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam; - Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 của Bộ Tài chính
3	Thẩm định nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính	04 ngày (đơn giản); 08 ngày (phức tạp)	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018; - Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ TNMT; + Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam.
4	Thẩm định hồ sơ nghiệm thu, quyết toán công trình, sản phẩm địa chính	06 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam	Không	+ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam.
5	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	05 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam	chưa quy định	- Luật đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 + Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam.
6	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	02 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích	chưa quy định	- Luật đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019

			tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam				+ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam.
7	Cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	02 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến.	chưa quy định			- Luật đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 + Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam.
8	Cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	02 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến	chưa quy định			- Luật đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 + Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam.
<b>V LĨNH VỰC CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU</b>							
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm thuộc lĩnh vực đo đạc bản đồ	Trong ngày hoặc do thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	Trung tâm công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc trực tuyến	Theo biểu mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính			- Luật đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 - Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1552/QĐ-BTNMT ngày 21/6/2019 của Bộ TNMT

VI	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
1	Cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án	13 ngày	Thực tiếp: qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019;</li> </ul>
2	Thẩm định hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	12 ngày	Thực tiếp: qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014</li> <li>+ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015;</li> <li>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ TNMT;</li> </ul>
3	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (Đối với trường hợp không đăng ký tư tài sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại).	07 ngày	Thực tiếp: qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015;</li> <li>- Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ TNMT;</li> </ul>
4	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (Đối với trường hợp đăng ký tư tài sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại).	07 ngày	Thực tiếp: qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015;</li> <li>- Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ TNMT.</li> </ul>
5	Thủ tục cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (Đối với trường hợp không đăng ký tư tài sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH).	07 ngày	Thực tiếp: qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015;</li> <li>- Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ TNMT.</li> </ul>
6	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (Đối với trường hợp đăng ký tư tài sử dụng, sơ chế, thu hồi năng lượng từ CTNH).	05 ngày	Thực tiếp: qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015;</li> </ul>



				<p>đồng: 15 triệu đồng; từ trên 200 tỷ đến dưới và bằng 500 tỷ đồng: 16 triệu đồng; trên 500 tỷ đồng: 25 triệu đồng.</p> <p><i>Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật:</i> Dự án có tổng mức đầu tư: Nhỏ hơn hoặc bằng 50 tỷ đồng: 7,5 triệu đồng; từ trên 50 tỷ đến dưới và bằng 100 tỷ đồng: 9,5 triệu đồng; từ trên 100 tỷ đến dưới và bằng 200 tỷ đồng: 17 triệu đồng; từ trên 200 tỷ đến dưới và bằng 500 tỷ đồng: 18 triệu đồng; trên 500 tỷ đồng: 25 triệu đồng.</p> <p><i>Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:</i> Dự án có tổng mức đầu tư: Nhỏ hơn hoặc bằng 50 tỷ đồng: 7,8 triệu đồng; từ trên 50 tỷ đến dưới và bằng 100 tỷ đồng: 9,5 triệu đồng; từ trên 100 tỷ đến dưới và bằng 200 tỷ đồng: 17 triệu đồng; từ trên 200 tỷ đến dưới và bằng 500 tỷ đồng: 18 triệu đồng; trên 500 tỷ đồng: 24 triệu đồng.</p> <p><i>Nhóm 5: Dự án giao thông:</i> Dự án có tổng mức đầu tư: Nhỏ hơn hoặc bằng 50 tỷ đồng: 8,1 triệu đồng; từ trên 50 tỷ đến dưới và bằng 100 tỷ đồng: 10 triệu đồng; từ trên 100 tỷ đến dưới</p>
--	--	--	--	--

và bằng 200 tỷ đồng: 18 triệu đồng; từ trên 200 tỷ đến dưới và bằng 500 tỷ đồng: 20 triệu đồng; trên 500 tỷ đồng: 25 triệu đồng. *Nhóm 6: Dự án công nghiệp: Dự án có tổng mức đầu tư: Nhỏ hơn hoặc bằng 50 tỷ đồng: 8,4 triệu đồng; từ trên 50 tỷ đến dưới và bằng 100 tỷ đồng: 10,5 triệu đồng; từ trên 100 tỷ đến dưới và bằng 200 tỷ đồng: 19 triệu đồng; từ trên 200 tỷ đến dưới và bằng 500 tỷ đồng: 20 triệu đồng; trên 500 tỷ đồng: 26 triệu đồng. *Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc từ nhóm 1-6): Dự án có tổng mức đầu tư: Nhỏ hơn hoặc bằng 50 tỷ đồng: 5 triệu đồng; từ trên 50 tỷ đến dưới và bằng 100 tỷ đồng: 6 triệu đồng; từ trên 100 tỷ đến dưới và bằng 200 tỷ đồng: 10,8 triệu đồng; từ trên 200 tỷ đến dưới và bằng 500 tỷ đồng: 12 triệu đồng; trên 500 tỷ đồng: 15,6 triệu đồng.- Trường hợp tham định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường: bằng 50% mức thu lần đầu**

10	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	07 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến	Không	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019; - Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh.
11	Xác nhận/xác nhận lại đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	05 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc nộp trực tuyến	Không	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019; - Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh.
12	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	18 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam	8.400.000đồng/01 phương án. (Trường hợp thẩm định lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường mức thu bằng 50 mức thu lần đầu)	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2015. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ TNMT - Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh.
<b>VII LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>					
<b>A. Đăng ký, Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</b>					
1	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	- 05 ngày - Sau 03 ngày kể từ ngày có kết quả phải trả cho người nộp hồ sơ;	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã hoặc trực tuyến. Cụ thể: - Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam; Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;

			<p>Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.</p>		<p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</p>
2	<p>Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý</p>	<p>03 ngày (nếu nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thì không quá 03 ngày phải gửi lên bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện)</p>	<p>Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã hoặc trực tuyến.</p> <p>Cụ thể:</p> <p>- Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tổ chức; tổ chức kinh tế;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Cộng đồng dân cư (hoặc tại bộ phận TN và TKQ cấp xã nếu có nhu cầu)</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</p>
3	<p>Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền</p>	<p>07 ngày (nếu nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thì không quá 03 ngày phải gửi hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện)</p>	<p>Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã. Cụ thể</p> <p>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng</p>	<p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phủ Lý: 100.000 đồng/giấy, trường hợp chỉ xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT</p>



<p>sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.</p>		<p>ngoại giao; - Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam; - Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</p>	<p>với đất): 25.000 đồng/giấy, trường hợp chỉ xác nhận trang 4: 20.000 đ/lần cấp + Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phú Lý; - Đối với tổ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp; trường hợp chỉ xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp.</p>	<p>ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT; - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</p>
<p>4</p> <p>Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề</p>	<p>03 ngày (nếu nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; không quá 03 ngày phải chuyển hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện).</p>	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã hoặc trực tuyến. Cụ thể: - Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao;</p>	<p>+ <i>Phi thẩm định</i>: - Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ; - Đối với tổ chức: 650.000 đồng/hồ sơ + <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</i>: + Đối với hộ gia đình, cá nhân các</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT</p>

			<p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu).</p>	<p>phường thuộc Phú Lý: 100.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác nhận trang 4: 20.000 đ/lần cấp</p> <p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường Phú Lý</p> <p>+ Mức thu áp dụng đối với tổ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp</p>	<p>ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;          - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;          - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ;          - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</p>
--	--	--	--	---	---

5	<p>Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu</p>	<p>02 ngày. (nếu nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thì không quá 03 ngày phải chuyển hồ sơ về bộ phận TN và TKQ cấp huyện)</p>	<p>- Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (<i>hoặc bộ phận TVN và TKQ cấp xã nếu có nhu cầu</i>)</p>	<p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc phố Phú Lý: 100.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác nhận trang 4: 20.000 đ/lần cấp</p> <p>+Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường Phú Lý</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT; - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</p>
6	<p>Tách thửa hoặc hợp thửa đất</p>	<p>10 ngày (Nếu nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thì trong thời hạn 03 ngày phải chuyển hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp</p>	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã hoặc trực tuyến. Cụ thể: - Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; - Tại bộ phận TN và TKQ cấp</p>	<p>+ <i>Phí thẩm định:</i> - Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ; - Đối với tổ chức: 650.000 đồng/hồ sơ + <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:</i> + Đối với hộ gia đình,</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</p>

7	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	- 05 ngày (đơn lẻ) - 50 ngày (đồng loạt) (Nếu nộp hồ sơ	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã hoặc trực tuyến. Cụ thể:	<p>huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu).</p>	<p>ca nhân các phường Phù Lý: 100.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác nhận trang 4: 20.000 đ/lần cấp</p> <p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường Phù Lý.</p> <p>+ Đối với tổ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp.</p> <p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường Phù Lý: 50.000 đồng/giấy; trường hợp chi có</p>	<p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ;</p> <p>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Hà Nam</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p>
---	--	---	--	--	--	--	---

8	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	<p>tại bộ phận TN và TKQ cấp xã</p> <p>03 ngày phải chuyển hồ sơ đến bộ phận TN và TKQ cấp huyện).</p>	<p>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam; Tô chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu).</p>	<p>quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 20.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường Phú Lý</p> <p>+ Mức thu áp dụng đối với tổ chức: 50.000 đ/lần cấp.</p>	<p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</p> <p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p>		
		<p>- 10 ngày (đơn lẻ)</p> <p>- 50 ngày (đồng loạt)</p> <p>(nếu nộp tại bộ phận TN và TKQ cấp xã thì chậm nhất sau 03 ngày phải chuyển hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện</p>	<p>Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã hoặc trực tuyến.Cụ thể:</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân, (hoặc tại bộ phận TN và TKQ cấp xã nếu có nhu cầu)</p>	<p>+ Tại các phường thuộc Phú Lý: 20.000 đồng/giấy</p> <p>+ Các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với tại các phường thuộc Phú Lý</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND</p>		

9	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	05 ngày	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ HCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện. Cụ thể:</p> <p>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tô chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; công đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p>	Không	<p>ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p> <p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;</p>
10	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Không quy định	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến. Cụ thể:</p> <p>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tô chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; công đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở</p>	Không	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;</p>

		gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;			
11	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	12 ngày	<p>Thực tiếp: qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tờ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</li> </ul>	<p>+ <i>Phi tham định:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ;</li> <li>- Đối với tờ chức: + Dưới 2 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>+ Từ 2 ha đến dưới 5 ha: 5.000.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>+ Từ 5 ha trở lên: 7.500.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul> <p>- <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phú Lý: 100.000 đồng/giấy; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.</li> <li>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh</li> </ul>

12	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	10 ngày	<p>Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại i Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã hoặc trực tuyến. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</li> </ul>	<p>đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phủ Lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với tổ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp.</li> </ul>	
			<p>+ <i>Phi tham định:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ;</li> <li>- Đối với tổ chức: + Dưới 2 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>+ Từ 2 ha đến dưới 5 ha: 5.000.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>+ Từ 5 ha trở lên: 7.500.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul> <p>- <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phủ Lý: 100.000</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ;</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh</li> </ul>	



				<p>đồng/giấy; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phú Lý</p> <p>+ Đối với tổ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp.</p>	
13	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất</p>	10 ngày	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã hoặc trực tuyến.</p> <p>Cụ thể:</p> <p>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam; Tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao;</p>	<p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phú Lý: + Trường hợp giấy chứng nhận là QSD đất: 25.000 đồng/giấy; + Trường hợp giấy chứng nhận là quyền sở hữu tài sản trên đất: 75.000 đồng/giấy.</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT</p>

			<p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</p>	<p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phú Lý</p> <p>- Mức thu áp dụng đối với tổ chức:</p> <p>+ Trường hợp giấy chứng nhận là QSD đất: 100.000 đồng/giấy;</p> <p>+ Trường hợp giấy chứng nhận là quyền sở hữu tài sản trên đất: 400.000 đồng/giấy.</p>	<p>ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh</p>
14	<p>Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp</p>	07 ngày	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PV HCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã. Cụ thể:</p> <p>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở</p>	<p>+ <i>Phi tham định:</i></p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ;</p> <p>- Đối với tổ chức: 650.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:</i></p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phú Lý: 50.000 đồng/giấy.</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</p>

			<p>gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p> <p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</p>	<p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phú Lý.</p> <p>- Mức thu áp dụng đối với tổ chức: 500.000 đồng/giấy.</p>	<p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ;</p> <p>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p>
15	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở.</p>	10 ngày	<p>Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện. Cụ thể:</p> <p>- Trường hợp người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng là tổ chức thì nộp hồ sơ tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam;</p> <p>- Trường hợp người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng là hộ gia đình, cá nhân thì nộp hồ sơ tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện</p>	<p>+ <i>Phi tham định:</i></p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ;</p> <p>- Đối với tổ chức: 650.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:</p> <p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phú Lý: 100.000 đồng/giấy; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ;</p> <p>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh</p>

16	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p>	20 ngày	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tô chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</li> </ul>	<p>khư vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phủ Lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu áp dụng đối với tô chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</li> </ul>
----	--	---------	---	---	--

						<p>- Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh</p>
17	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận</p>	<p>+10 ngày: chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; +03 ngày: cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất</p> <p>+05 ngày: chuyển quyền sử</p>	<p>- Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã. Cụ thể: - Tại Trung tâm VHCC tỉnh Hà Nam: Tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; - Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p>	<p>gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. + Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phú Lý</p> <p>+ Mức thu áp dụng đối với tổ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp</p>	<p>- <i>Phí thẩm định:</i> + Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ; + Đối với tổ chức: 650.000 đồng/hồ sơ. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sử dụng nhà, tài sản gắn liền với đất: + Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phú Lý: 100.000 đồng/giấy, trường</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</p>

18	<p>chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p>	<p>dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chồng.</p> <p><i>(kể từ khi có kết quả giải quyết, không quá 03 ngày phải trả kết quả cho người đi thực hiện TTHC)</i></p>	<p>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</p>	<p>hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác nhận trang 4: 20.000 đ/lần cấp</p> <p>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phú Lý</p> <p>+ Đối với tổ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp.</p>	<p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ;</p> <p>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh</p>
	<p>Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả</p>	<p>12 ngày</p>	<p>Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến.</p>	<p>- Phí thẩm định: + Dưới 2 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ.</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày</p>

	tiền hàng năm.			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 2 ha đến dưới 5 ha: 5.000.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>+ Từ 5 ha trở lên: 7.500.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sử hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.</li> </ul>
19	Thu tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	12 ngày	<p>Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định: + Dưới 2 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>+ Từ 2 ha đến dưới 5 ha: 5.000.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>+ Từ 5 ha trở lên: 7.500.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sử hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/lần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> </ul>

20	<p>Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế; đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo.</p>	06 ngày	<p>Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến.</p>	<p>- Phí thẩm định: + Dưới 2 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ; + Từ 2 ha đến dưới 5 ha: 5.000.000 đồng/hồ sơ. + Từ 5 ha trở lên: 7.500.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đồng/lần cấp</p>	<p>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT; - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p>
				<p>- Phí thẩm định: + Dưới 2 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ; + Từ 2 ha đến dưới 5 ha: 5.000.000 đồng/hồ sơ. + Từ 5 ha trở lên: 7.500.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đồng/lần cấp</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT; - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p>



21	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.</p>	<p>10 ngày (nếu nộp hồ sơ tại bộ phận TN và TKQ cấp xã thì trong thời gian không quá 03 ngày phải chuyển hồ sơ về tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện)</p>	<p>Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công tích tại Trung tâm PV HCC tỉnh Hà Nam, bộ phận TN và TKQ cấp huyện. Cụ thể: - Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; - Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam; - Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</p>	<p>- Phí thẩm định: + Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ; + Đối với tổ chức: 650.000 đồng/hồ sơ - Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: + Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phủ Lý: 100.000 đồng/giấy; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. + Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phủ Lý + Đối với tổ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT; - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p>
----	--	---	---	--	--

22	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bỏ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	05 ngày	<p>Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PV HCC tỉnh Hà Nam, bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tô chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</li> </ul>	<p>đồng/lần cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+Phí thẩm định:</li> <li>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ;</li> <li>- Đối với tổ chức: 650.000 đồng/hồ sơ</li> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:</li> <li>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phủ Lý: 50.000 đồng/giấy; trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 20.000 đồng/giấy</li> <li>+ Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phủ Lý</li> <li>+ Đối với tổ chức: 50.000 đồng/lần cấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ;</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</li> </ul>
----	--	---------	--	---	---

23	<p>Dăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p>	05 ngày	<p>Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PV HCC tỉnh Hà Nam, bộ phận TN và TKQ cấp huyện., cấp xã. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tô chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã: Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư (nếu có nhu cầu)</li> </ul>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ;</li> </ul>
24	<p>Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất</p>	10 ngày	<p>Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam: Tô chức; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</li> <li>- Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã:</li> </ul>	<p>+ <i>Phi thân đình:</i> - Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hộ sơ; - Đối với tổ chức: 650.000 đồng/hộ sơ + Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sử hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: - Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phú Lý: 100.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> </ul>

25	<p>Đăng ký, xoá đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất đã thế chấp và xử lý quyền sử dụng đất đã thế chấp, đề thu hồi nợ.</p>	<p>+ 03 ngày: nếu nộp hồ sơ tại Trung tâm HCC tỉnh; + 01 ngày: nếu nộp hồ sơ tại</p>	<p>Hộ gia đình, cá nhân (nếu có nhu cầu)</p>	<p>nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác nhận trang 4: 20.000 đ/lần cấp</p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phú Lý</p> <p>- Đối với tờ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp.</p>	<p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ; - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p>
			<p>Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, bộ phận TN và TKQ cấp huyện.. Cụ thể: - Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, Văn phòng Đăng ký đất đai</p>	<p>- Phí đăng ký thế chấp. Mức thu: 80.000 đ/hồ sơ. - Phí xoá đăng ký thế chấp. Mức thu: 20.000 đ/hồ sơ.</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p>

		Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh -01 ngày: người yêu cầu đăng ký là hộ gia đình, cá nhân	tỉnh: Tổ chức; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; - Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;			- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 của bộ Tài chính và bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; - Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh
26	Đăng ký thay đổi nội dung thẻ chấp đã đăng ký	+ 03 ngày: nếu nộp hồ sơ tại Trung tâm HCC tỉnh; + 01 ngày: nếu nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh -01 ngày: người yêu cầu đăng ký là hộ gia đình, cá nhân	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, bộ phận TN và TKQ cấp huyện.. Cụ thể: - Tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh: Tổ chức trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; - Tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện: Hộ gia đình, cá nhân; người	60.000 đ/hồ sơ.	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.	

		<p>Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p>		<p>- Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; - Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh</p>
<p>27</p> <p>Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p>	<p>- 03 ngày. (nếu nộp hồ sơ tại bộ phận TN và TKQ cấp xã thì chậm nhất sau 03 ngày phải chuyển hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện) - Chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày có kết quả phải trả kết quả cho người đi thực hiện TTHC</p>	<p>Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam, bộ phận TN và TKQ cấp huyện, cấp xã hoặc trực tuyến.. Cụ thể: - Tại Trung tâm PVHCC Hà Nam: Tổ chức; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; - Tại bộ phận TN và TKQ caapss huyện: Hộ gia đình, cá nhân; người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam; - Tại bộ phận TN và TKQ cấp xã:</p>	<p>+ <i>Phí thẩm định</i>: - Đối với hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/hồ sơ; - Đối với tổ chức: 650.000 đồng/hồ sơ. + Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: - Đối với hộ gia đình, cá nhân các phường thuộc Phủ Lý: 100.000 đồng/giấy, trường hợp chỉ xác nhận trang 4: 50.000</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT</p>

			Hộ gia đình, cá nhân (nếu có nhu cầu)	đ/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy, trường hợp chi xác nhận trang 4: 20.000 đ/lần cấp	- Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: Bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc Phú Lý - Đối với tổ chức: 500.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/lần cấp; trường hợp chi xác nhận trang 4: 50.000 đ/lần cấp.	ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ; - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;
<b>B. Thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất</b>						
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức; cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh	10 ngày	Thực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc	Không		- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT

	<p>ngoại có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.</p>		<p>trực tuyến.</p>		<p>ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT.</p>
2	<p>Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004</p>	<p>05 ngày</p>	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến.</p>	<p>không</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT.</p>
3	<p>Thu tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.</p>	<p>10 ngày</p>	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.</p>	<p>+ Diện tích dưới 2 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ. + Diện tích từ 2 ha đến dưới 5 ha: 5.000.000 đồng/hồ sơ. + Diện tích từ 5 ha trở lên: 7.500.000 đồng/hồ sơ.</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT; - Nghị quyết định số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; - Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh;</p>
4	<p>Thu tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng</p>	<p>- Đối với khu đất đã thu hồi đất và xong GPMB: 10 ngày; - Đối với khu đất chưa thu hồi đất mà thuộc cấp tỉnh thu hồi đất: 15 ngày</p>	<p>Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam.</p>	<p>+ Diện tích dưới 2 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ + Diện tích từ 2 ha đến dưới 5 ha: 5.000.000 đồng/hồ sơ + Diện tích từ 5 ha trở lên: 7.500.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT; - Nghị quyết định số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;</p>



	ngoại giao.				- Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh;
5	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức.	07 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến.	+ Diện tích dưới 2 ha: 3.000.000 đồng/hộ sơ. + Diện tích từ 2 ha đến dưới 5 ha: 5.000.000 đồng/hộ sơ. + Diện tích từ 5 ha trở lên: 7.500.000 đồng/hộ sơ.	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT; - Nghị quyết định số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; - Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh;
6	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.	+ Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày (đối với đất nông nghiệp); 180 ngày (đối với đất phi nông nghiệp), UBND cấp huyện phải ra thông báo thu hồi đất	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc bộ phận TN và TKQ cấp huyện.	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT; - Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT; - Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ TNMT; - Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh; - Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh;
7	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với các	45 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

	trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.		chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến		15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT.
8	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	45 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT;
9	Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.	45 ngày	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc trực tuyến	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2
<b>C</b>	<b>Giải quyết tranh chấp đất đai</b>				
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	60 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam; Trụ sở tiếp dân tỉnh	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>					
1	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	05 ngày	Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015;</li> <li>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019;</li> </ul>
2	Đăng ký /đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	05 ngày	Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015;</li> <li>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.</li> </ul>
3	Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề	08 ngày	Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015;</li> <li>- Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ TNMT</li> </ul>

**II. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

**A. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

1	<p>Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.</p>	12 ngày	<p>Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến</p>	<p>+ <i>Phi tham định</i>: 300.000 đồng/hồ sơ.          + <i>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận QSD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</i>:          - Đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các phường thuộc Thành phố Phú Lý như sau: cấp mới giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì áp dụng mức thu: 100.000 đồng/giấy; 50.000 đồng/giấy đối với cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ xung vào giấy chứng nhận; chi có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) thì áp dụng mức thu: 25.000 đồng/giấy; 20.000 đồng/giấy đối với cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ xung vào giấy chứng nhận.          - Đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các khu vực khác trên địa bàn tỉnh thì bằng 50% mức thu của hộ gia đình, cá nhân thuộc các phường thuộc Thành phố Phú Lý nêu trên.          - Đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/ giấy          - Đối tượng miễn nộp: Hộ nghèo.</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;          - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;          - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;          - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;          - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;          - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.          - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;          - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;          - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;          - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;          - Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.</p>
2	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả</p>	12 ngày	<p>Thực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN</p>	<p>+ <i>Phi tham định</i>: 300.000 đồng/hồ sơ.          + <i>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận QSD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</i>:          - Đối tượng miễn nộp: Hộ nghèo.</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;          - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;          - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày</p>

	<p>thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>		<p>và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến</p>	<p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các phường thuộc Thành phố Phú Lý như sau: cấp mới giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì áp dụng mức thu: 100.000 đồng/giấy; 50.000 đồng/giấy đối với cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ xung vào giấy chứng nhận; chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) thì áp dụng mức thu: 25.000 đồng/giấy; 20.000 đồng/giấy đối với cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ xung vào giấy chứng nhận.</p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các khu vực khác trên địa bàn tỉnh thì bằng 50% mức thu của hộ gia đình, cá nhân thuộc các phường thuộc Thành phố Phú Lý nêu trên.</p> <p>- Đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/ giấy</p> <p>- Đối tượng miễn nộp: Hộ nghèo</p>	<p>06/01/2017;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT;</p> <p>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.</p>
3	<p>Thực tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế</p>	<p>06 ngày</p>	<p>Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến</p>	<p>+ <i>Phí thẩm định</i>: 300.000 đồng/hồ sơ. + <i>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận QSD, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</i>:</p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các phường thuộc Thành phố Phú Lý như sau: cấp mới giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì áp dụng mức thu: 100.000 đồng/giấy; 50.000 đồng/giấy đối với cấp</p>	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT.</p>

				đổi, cấp lại, xác nhận bổ xung vào giấy chứng nhận; chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) thì áp dụng mức thu: 25.000 đồng/giấy; 20.000 đồng/giấy đổi với cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ xung vào giấy chứng nhận. - Đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các khu vực khác trên địa bàn tỉnh thì bằng 50% mức thu của hộ gia đình, cá nhân thuộc các phường thuộc Thành phố Phú Lý nêu trên. - Đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/ giấy - Đối tượng miễn nộp: Hộ nghèo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường ;</li> </ul> </li> <li>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT ;</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.</li> </ul>
--	--	--	--	---	---

**B. Thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất**

1	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét chuyển mục đích sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	10 ngày	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT</li> </ul>
2	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	10 ngày	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện .	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định: 300.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: + Đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các phường thuộc Phú Lý như sau:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân</li> </ul>

					100.000 đồng/giấy; 50.000 đồng/giấy đổi với cấp đổi, cấp lại, xác nhận bộ xung vào giấy chứng nhận; chi cấp giấy chứng nhận (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; 20.000 đồng/giấy đổi với cấp đổi, cấp lại, xác nhận bộ xung vào giấy chứng nhận. + Đổi với hộ gia đình, cả nhân thuộc các khu vực khác: 50% mức thu của hộ gia đình, cả nhân thuộc các phường thuộc Phú Lý nêu trên. + Đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/ giấy + Hộ nghèo: miễn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</li> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày</li> </ul>
3	Thu tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	07 ngày	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến	- Phí thẩm định: 300.000 đồng/hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh</li> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày</li> </ul>	
4	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	+ Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là	Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam hoặc bộ phận TN và TKQ cấp	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày</li> </ul>	

		90 ngày (đối với đất nông nghiệp); 180 ngày (đối với đất phi nông nghiệp), UBND D cấp huyện phải ra thông báo thu hồi đất	huyện		<p>15/5/2014;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ TNMT;</li> <li>- Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh;</li> </ul>
5	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với các trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	45 ngày	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT.</li> </ul>
6	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sạt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	45 ngày	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện hoặc trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT.</li> </ul>
7	Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.	45 ngày	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> </ul>



			hoặc trực tuyến			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT.</li> </ul>
<b>C. Giải quyết tranh chấp đất đai</b>						
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	45 ngày	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại bộ phận TN và TKQ cấp huyện; Trụ sở tiếp dân cấp huyện	Không		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</li> </ul>

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>I LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>					
1	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	05 ngày	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại bộ phận TN và TKQ cấp xã	Không	
2	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	02 ngày		Không	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008. - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010. - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017
<b>II LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>					
1	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (cấp xã)	45 ngày	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích tại bộ phận TN và TKQ cấp xã; Trụ sở tiếp dân cấp xã	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;